TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2023/HC-PT
Ngày: 16 - 8 - 2023
V/v: "Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính, buộc chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**
Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**
Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông **Lê Phước Thạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 320/2022/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính, buộc chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2022/HC-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2745/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

* ***Người khởi kiện:***

1. Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị Tuyết M, sinh năm 1983. Địa chỉ: số A, L, quận H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh M1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn P, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Đức Á, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn P, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

5. Ông Võ Thanh H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H*, ông* Á*, bà* Thanh M2*, bà* Tuyết M3 *và bà* T:

- Bà Bùi Trần Thúy V, sinh năm 1993. Địa chỉ: số I, N, quận H, thành phố Đà Nẵng; có đơn xét xử vắng mặt.

- Ông Lê Q, sinh năm 1985. Địa chỉ: số I, N, quận H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Ông Võ Thanh S, sinh năm 1976. Địa chỉ: số E N, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

6. Ông Võ Thanh S, sinh năm 1976. Địa chỉ: số E N, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Bùi Trần Thùy V1, sinh năm 1993. Địa chỉ: số I N, quận H, thành phố Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Lê Q, sinh năm 1985. Địa chỉ: số I N, quận H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1993. Địa chỉ: số I N, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

**** Người bị kiện*:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phước S1 – Phó Chủ tịch; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hồng A – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ; vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thế N – Phó Chủ tịch; có đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Bích K – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Quang T1 – Phó Chủ tịch; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Thành T2 – công chức tư pháp, có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ông Hoàng Đình L, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tổ C phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần Đ3. Địa chỉ: Khu D, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Quang T1 – Phó Chủ tịch; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người khởi kiện trình bày:***

Vào năm 1999 và năm 2000, chúng tôi là các hộ dân gồm ông Nguyễn Đức Á, hộ bà Võ Thị Thu T, hộ bà Nguyễn Thị Thanh M1, hộ bà Bùi Thị Tuyết M, hộ ông Võ Thanh H và hộ ông Võ Thanh S có nhận chuyển nhượng diện tích khoảng 1.600m^2 đất thuộc thửa số 321, 323, tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng từ ông Hoàng Đình L. Ông L khai rõ đây là diện tích đất ông đã có được do khai hoang, các bên đã tiến hành bàn giao đất trên thực tế và đến hiện nay ông L vẫn khẳng định đã chuyển nhượng đất cho chúng tôi mà không có bất cứ tranh chấp nào.

Thực hiện quyền của một chủ sử dụng đất, từ năm 2000 chúng tôi đã tiến hành các thủ tục và đã có đơn xin giao đất để làm nhà ở gửi đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Các cơ quan Nhà nước cũng đã xác nhận cho chúng tôi, cụ thể:

- Hộ bà Võ Thị Thu T đã có Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở ngày 25/01/2000 đối với diện tích 250 m^2, thửa đất số 323, tờ bản đồ số 04 (nguồn gốc: do ông Hoàng Đình L quản lý giao lại). Đơn xin giao đất đã được Chủ tịch UBND phường H xác nhận đồng ý giao lại vào ngày 16/02/2000 kèm theo đó là sơ đồ vị trí khu đất xin giao có xác nhận của UBND phường. Hộ bà T đã đóng thuế và còn lưu lại các biên lai thuế năm 2015, năm 2017, năm 2018.

- Hộ bà Bùi Thị Tuyết M có Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở ngày 16/10/2001 đối với diện tích 300m^2, thửa đất số 321, tờ bản đồ số 04 (nguồn gốc: do ông Hoàng Đình L quản lý giao lại). Đơn xin giao đất đã được Chủ tịch UBND phường H xác nhận đồng ý giao lại vào ngày 25/10/2001 kèm theo đó là sơ đồ vị trí khu đất xin giao có xác nhận của UBND phường. Hộ bà M đã đóng thuế và còn lưu lại các biên lai thuế năm 2005, năm 2017, năm 2018.

- Hộ bà Nguyễn Thị Thanh M1 có Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở ngày 10/7/2000 đối với diện tích 250m^2 thửa đất số 321, tờ bản đồ số 04 (nguồn gốc: do ông Hoàng Đình L quản lý giao lại). Đơn xin giao đất đã được Chủ tịch UBND phường H xác nhận đồng ý giao lại vào ngày 22/08/2000 kèm theo đó là sơ đồ vị trí khu đất xin giao có xác nhận của UBND phường. Hộ bà M1 đã đóng thuế và còn lưu lại biên lai thuế năm 2018.

- Hộ ông Nguyễn Đức Á có Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở ngày 12/6/2000 đối với diện tích 250m^2 ở thửa đất số 321, tờ bản đồ số 04 (nguồn

gốc: do ông Hoàng Đình L quản lý giao lại). Đơn xin giao đất đã được Chủ tịch UBND phường H xác nhận đồng ý giao lại vào ngày 19/07/2000 kèm theo đó là sơ đồ vị trí khu đất xin giao có xác nhận của UBND phường. Hộ ông Á đã đóng thuế và còn lưu lại biên lai thuế năm 2018.

- Hộ ông Võ Thanh H có Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở ngày 20/6/2000 đối với diện tích 300m^2 thửa đất số 321, tờ bản đồ số 04 (nguồn gốc: do ông Hoàng Đình L quản lý giao lại). Đơn xin giao đất đã được Chủ tịch UBND phường H xác nhận đồng ý giao lại vào ngày 12/07/2000 kèm theo đó là sơ đồ vị trí khu đất xin giao có xác nhận của UBND phường. Hộ ông H đã đóng thuế và còn lưu lại các biên lai thuế năm 2006, năm 2017 và năm 2018.

- Hộ của ông Võ Thanh S có Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở ngày 05/01/2000 đối với thửa đất số 323 diện tích 250m^2 tờ bản đồ số 04 (nguồn gốc: do ông Hoàng Đình L quản lý giao lại). Đơn xin giao đất đã được Chủ tịch UBND phường H xác nhận đồng ý giao lại vào ngày 12/01/2000 kèm theo đó là sơ đồ vị trí khu đất xin giao có xác nhận của UBND phường. Hộ ông S đã đóng thuế và còn lưu lại các biên lai thuế năm 2006, năm 2017 và năm 2018.

Cùng với việc được chấp thuận của chính quyền địa phương, chúng tôi cũng đã canh tác, trồng trọt, xây dựng tường rào bao quanh để bảo vệ tài sản của mình từ năm 2000 đến nay. Riêng hộ ông Võ Thanh S cũng đã ký kết các Hợp đồng điện nước với các nhà cung cấp để sinh sống trên thửa đất này.

Đầu năm 2019, toàn bộ diện tích 1.600m^2 đất của chúng tôi đã được thành phố Đà Nẵng giao lại cho Công ty Cổ phần Đ3 thực hiện dự án đầu tư M và H. Thành phố Đà Nẵng đã giao đất của chúng tôi cho bên thứ ba khác mà không có bất cứ thông báo nào, không tiến hành các thủ tục thu hồi, kiểm đếm, kiểm định, giải tỏa, bồi thường, đền bù tái định cư cho chúng tôi. Việc làm này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản chính đáng của chúng tôi.

Để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, chúng tôi (thông qua đại diện là ông Võ Thanh S) đã nhiều lần gửi đơn kiến nghị đến UBND phường H và UBND quận L. Mặc dù vụ việc vẫn chưa được giải quyết nhưng UBND quận L đã ban hành Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2019 giao cho các cơ quan chức năng rào chắn khu đất của tôi. Sau đó UBND phường H đã ra Thông báo số 320/TB-UBND ngày 8/4/2019 yêu cầu chúng tôi phải lập tức di dời tài sản ra khỏi thửa đất.

Ngày 10/4/2019, lực lượng quy tắc phường, quận dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông Phan Văn Đ - Chủ tịch UBND phường H và ông Nguyễn Đ1 - Đội trưởng Đội quy tắc đô thị quận L đã cưỡng chế thu hồi đất, húc đổ hàng rào cổng ngõ, chặt phá toàn bộ cây cối trên đất, hiên ngang cẩu nhà, di dời toàn bộ tài sản của chúng tôi ra khỏi khu đất, đẩy đuổi gia đình tôi ra ngoài, rào bít mọi đường vào lô đất của chúng tôi. Hiện nay toàn bộ diện tích 1.600m^2 đất của chúng tôi đã bị Công ty Đ3 rào chắn và đưa vào khuôn viên Dự án M và Hotel R. Trên giấy tờ pháp lý, cả 02 thửa đất số 321 và thửa đất số 323 tờ bản đồ số 04 của 06 hộ dân chúng tôi đã bị đưa vào tổng diện tích 51.941,3m^2 đất, thửa đất số

06, tờ bản đồ số 277 mà UBND thành phố Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số CP 844368 cho Công ty Cổ phần Đ3.

Ngày 23/4/2019, chúng tôi đã gửi Đơn khiếu nại đến UBND quận L về hành vi cưỡng chế, di dời tài sản trái pháp luật khi chưa giải quyết vấn đề thu hồi đất, bồi thường đúng quy định pháp luật. Vào ngày 07/6/2019, tôi nhận được Công văn số 633/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của công dân của UBND quận L. Sau đó tôi tiếp tục nhận được văn bản số 660/UBND-TNMT đề ngày 12/6/2019 về việc trả lời bổ sung nội dung đơn công dân của UBND quận LChiểu. Nội dung các văn bản trả lời đơn khiếu nại của UBND quận L hoàn toàn vô lý, không xem xét các hồ sơ một cách toàn diện, công tâm và đúng pháp luật. Hơn nữa thủ tục giải quyết khiếu nại cũng vi phạm nghiêm trọng khi không có thông báo thụ lý khiếu nại trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại Điều 27 Luật Khiếu nại 2011.

Do vậy ngày 27/6/2019 chúng tôi tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần hai đến UBND quận L. Vào ngày 26/9/2019, tôi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại số 4035/QĐ-UBND đề ngày 26/9/2014 của UBND quận L không chấp nhận nội dung khiếu nại của tôi.

Không đồng ý với giải quyết của UBND quận L, chúng tôi đã gởi đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND thành phố Đ và được Chủ tịch UBND thành phố Đ xem xét và thụ lý giải quyết theo Thông báo số 134/TB-UBND ngày 04/11/2019 và giao Thanh tra thành phố xác minh đơn của tôi theo Quyết định số 5077/QĐ-UBND ngày 04/11/2019. Thanh tra thành phố tiến hành xác minh từ ngày 15/11/2019 đến ngày 05/5/2021 (tức hơn 01 năm 06 tháng) Ủy ban nhân dân thành phố Đ mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1526/QĐ-UBND. Tuy nhiên nội dung Quyết định này lại không trực tiếp giải quyết các yêu cầu khiếu nại của chúng tôi mà cho rằng việc giải quyết khiếu nại trước đây của UBND quận L là sai thẩm quyền nên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4035/QĐ-UBND của UBND quận L, yêu cầu chúng tôi tiến hành khiếu nại lại từ đầu.

Chúng tôi nhận thấy yêu cầu này không phù hợp và kéo dài việc giải quyết sự việc trong khi tài sản của chúng tôi đã bị thu hồi không đúng pháp luật. Vì vậy, chúng tôi tiến hành khởi kiện đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.

Căn cứ khởi kiện:

1. Các hộ dân chúng tôi có quyền sử dụng hợp pháp đối với tổng 1.600m^2 đất tại thửa đất 321, 323 tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Thực tế, nguồn gốc thửa đất số 321 và 323, tờ bản đồ số 04 của chúng tôi nằm trong khu đất hoang có từ trước năm 1975 có ao tù và cây dại. Đầu những năm 1990, sau khi nghỉ hưu, do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông Hoàng Đình L đã tiến hành khai hoang đất tăng gia sản xuất bằng việc đào đá, dỡ mìn, tháo

dây thép gai do chiến tranh để lại, chặt cây, đổ hàng trăm xe đất, tự san lấp để lấy đất trồng cây. Trên đất lúc này không có Kho vật tư J258 như UBND quận đã đề cập. Do sức khỏe già yếu nên ông L đã chuyển nhượng lại.

Vào năm 2000, chúng tôi cũng đã được UBND phường H xác minh, kiểm tra thực địa và xác nhận đồng ý giao đất cho chúng tôi sử dụng. Mỗi hộ dân đều đã có Đơn xin giao đất ở, đều đã được UBND phường H xác nhận đồng ý giao đất. Các xác nhận đồng ý giao đất, sơ đồ vị trí khu đất có xác nhận của Chủ tịch UBND phường, có con dấu của UBND phường là bằng chứng rõ ràng nhất xác định chúng tôi đã được giao đất hợp pháp.

Theo khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai 1993 (Luật có hiệu lực tại thời điểm giao đất) thì "*Người sử dụng đất ổn định, được Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Như vậy, chúng tôi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng ý giao đất và được quyền được cấp GCNQSD đất theo quy định pháp luật. Việc UBND thành phố Đ cấp GCNQSD đất số CP 844368 ngày 01/02/2019 cho Công ty Cổ phần Đ3 có cả phần diện tích 1.600m^2 đất của chúng tôi là không đúng pháp luật. Chúng tôi có quyền yêu cầu hủy một phần GCNQSD đất số CP 844368 này để bảo vệ quyền lợi của mình.

2. Trường hợp UBND thành phố Đ thu hồi đất, tài sản của chúng tôi thì phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và phải bồi thường, hỗ trợ, đền bù theo đúng quy định pháp luật.

2.1. Hiện nay 1.600m^2 đất của chúng tôi đã bị UBND thành phố Đ thu hồi để giao cho Công ty Cổ phần Đ3 thực hiện dự án đầu tư. Theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013, khi thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải thực hiện theo trình tự, thủ tục sau:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

- Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng.

Đối chiếu với quy định pháp luật nêu trên, UBND thành phố Đ và các cơ quan ban ngành liên quan đã thu hồi đất của chúng tôi không đúng pháp luật, không có thông báo thu hồi đất, không ban hành quyết định thu hồi, không tiến hành kiểm đếm, kiểm định hay lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 71 Luật này tiếp tục quy định việc cưỡng chế thu hồi đất phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện sau:

- Người có đất thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban M4 cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã vận động, thuyết phục;

- Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;

- Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã có hiệu lực thi hành;

- Người bị cưỡng chế đã nhận được quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất có hiệu lực pháp luật.

Trong vụ việc này, Chủ tịch UBND phường H và Đội trưởng Đ4 đã có hành vi vi phạm quy trình cưỡng chế, thu hồi đất khi không tuân thủ đúng trình tự thực hiện cưỡng chế, thu hồi đất, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của chúng tôi. Tài sản trên đất của chúng tôi đã bị tháo dỡ, di dời, phá hủy mà không theo bất cứ trình tự, thủ tục nào.

2.2. Như đã phân tích phần trên, chúng tôi đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.600m^2 đất này, do vậy khi Nhà nước thu hồi đất vì lý do phát triển kinh tế xã hội, căn cứ theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013 chúng tôi đủ điều kiện để được bồi thường về đất.

Nguyên tắc bồi thường về đất khi thu hồi được quy định rõ tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013: "*Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất*". Diện tích đất của chúng tôi được giao là để làm nhà ở, mục đích sử dụng là đất ở, do vậy khi thu hồi, chúng tôi phải được giao lại một diện tích đất khác có cùng mục đích sử dụng là đất ở.

Về các tài sản trên đất, Điều 88 Luật Đất đai 2013 có quy định nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản khi Nhà nước thu hồi như sau: "*Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường*". Điều 89 Luật này tiếp tục quy định: *Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất, khi Nhà nước thu hồi đất mà bị tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định pháp luật thì được bồi thường thiệt hại*.

- Tại thời điểm bị thu hồi, trên diện tích đất này có các tài sản là nhà cửa, tường rào cổng ngõ, cây cối hoa màu và tất cả các tài sản, vật dụng gia đình như tivi, điều hòa, âm ly, karaoke, bàn ghế.... Ngày 10/4/2019, lực lượng quy tắc phường dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông Phan Văn Đ - Chủ tịch UBND phường H và ông Nguyễn Đ1 - Đội trưởng Đội quy tắc đô thị quận Đ4 đã cưỡng chế, phá hoại và di dời các tài sản của chúng tôi. Tổng giá trị tài sản trên đất bị phá

dỡ là 900.000.000 đồng, chúng tôi hoàn toàn không được bồi thường từ thời điểm tài sản trên đất của chúng tôi bị phá dỡ cho đến nay.

3. Quyết định giải quyết khiếu nại số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND quận L không phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế

Như phân tích nêu trên, chúng tôi có quyền sử dụng hợp pháp 1.600m^2 đất tại Q, phường H, quận L, do đó khi Nhà nước thu hồi đất phải thực hiện chính sách hỗ trợ, đền bù, di dời tài sản theo đúng thủ tục, trình tự pháp luật quy định. Quyết định số 4035 không chấp nhận các yêu cầu này của chúng tôi là không phù hợp pháp luật, do vậy cần phải hủy bỏ.

Ngày 05/5/2021, UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 1526/QĐ-UBND. Tại Quyết định này, UBND thành phố Đ đã hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 4035/QĐ-UBND, tuy nhiên lý do hủy là do sai thẩm quyền mà không đề cập đến nội dung không đúng pháp luật của Quyết định 4035.

Từ những trình bày nêu trên, chúng tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét thụ lý và giải quyết các nội dung khởi kiện sau:

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 844368 thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277 do UBND thành phố Đ cấp ngày 01/02/2019 cho Công ty Cổ phần Đ3 với diện tích đất 1.600m^2.

- Hủy Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông Võ Thanh S, trú tại tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Thanh S, trú tại tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (lần hai).

- Buộc UBND quận L, thành phố Đà Nẵng chấm dứt hành vi thu hồi đất trái pháp luật (không thực hiện thủ tục thu hồi đất theo trình tự, thủ tục luật định, không thực hiện bồi thường, đền bù, hỗ trợ thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế xã hội).

Ngày 07/01/2022 người khởi kiện yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện cụ thể: Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng buộc bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 900.000.000 đồng do đã ban hành thông báo di dời tài sản số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019.

**** Người bị kiện là UBND và Chủ tịch*** UBND thành phố Đ ***vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng trong quá trình tố tụng có văn bản trình bày:***

Đối với yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 844368, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277 do UBND thành phố Đ *cấp ngày 01/02/2019 cho* Công ty Cổ phần Đ3 *với diện tích 1.600m^2.*

Ngày 23/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố có Quyết định số 1670/QĐ-UBND phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết TL 1:500 Khu đất liền kề phía T và T khu du lịch Xuân Thiều với diện tích: 54.865m^2.

Ngày 31/8/2018, UBND thành phố có Quyết định số 3841/QĐ-UBND phê duyệt danh mục quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất năm 2018 - Đợt 1.

Trên cơ sở đó, ngày 22/11/2018, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 5588/QĐ-UBND và Quyết định số 5589/QĐ-UBND phê duyệt Phương án đấu giá và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất liền kề phía T và Tây Nam Khu du lịch X tại phường H, cụ thể:

Diện tích: 54.865m^2.

Mục đích sử dụng: Đất thương mại dịch vụ.

Thời gian thuê đất: 50 năm (trả tiền thuê đất hàng năm).

Ngày 16/01/2019, UBND thành phố có Quyết định số 270/QĐ-UBND công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm đối với khu đất nêu trên cho Công ty Cổ phần Đ3.

Ngày 31/01/2019, Sở T và Công ty Cổ phần Đ3 ký Hợp đồng thuê đất số 02/HĐ-TĐ.

Ngày 01/02/2019, UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 844368, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277 cho Công ty Cổ phần Đ3, với nội dung:

Diện tích: 51.941,3m^2.

Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ. Thời hạn sử dụng: đến ngày 16/01/2069.

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, việc UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đ3 là đúng quy định.

Việc các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H, Võ Thanh S khởi kiện yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 844368, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277 đã cấp cho Công ty Cổ phần Đ3 là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Thanh S*, trú tại* tổ B, phường H, quận L *(lần 2). Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến như sau:*

Khiếu nại lần 1: Ngày 27/6/2019, ông Võ Thanh S trú tại tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có đơn khiếu nại gửi UBND quận L, nội dung khiếu nại:

- Khiếu nại văn bản hành chính gồm: Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2014 của Chủ tịch UBND quận L về việc giải quyết đơn của hộ ông Võ Thanh S, Võ Thanh H; Thông báo số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND phường H về việc di dời tài sản ra khỏi thửa đất số 321 và 323, tờ bản đồ số 04 theo Nghị định-64/CP.

- Khiếu nại hành vi hành chính gồm: Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường H tiến hành cưỡng chế, tự ý di dời tài sản trong phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông; Hành vi hành chính của Đội trưởng Đội Kiểm tra Quy tắc đô thị quận Đ4 đã tiến hành rào chắn, tổ chức cưỡng chế trái pháp luật, gây thiệt hại tài sản của ông.

Nội dung khiếu nại trên của ông Võ Thanh S đã được Chủ tịch UBND quận L thụ lý và giải quyết tại Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông Võ Thanh S: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Võ Thanh S; Giữ nguyên Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2019 và Thông báo số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019.

Khiếu nại lần 2: Không đồng ý Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2021 về việc giải quyết nội dung khiếu nại của Chủ tịch UBND quận L, ngày 15/10/2019 ông S gửi đơn khiếu nại (lần hai) đến UBND thành phố.

Nội dung: Khiếu nại Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông Võ Thanh S, cụ thể:

- Khiếu nại Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch UBND quận L ý kiến kết luận về việc giải quyết đơn của hộ ông Võ Thanh S, Võ Thanh H.

- Khiếu nại Thông báo số 320/TB-UBND ngày 08/04/2019 của Chủ tịch UBND phường H về việc di dời tài sản ra khỏi thửa đất số 321 và 323, tờ bản đồ số 4 theo Nghị định 64/CP.

- Khiếu nại hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường H tiến hành cưỡng chế, tự ý di dời tài sản trong phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông.

- Khiếu nại hành vi hành chính của Đội trưởng Đội Kiểm tra Quy tắc đô thị quận Đ4 đã tiến hành rào chắn, tổ chức cưỡng chế trái pháp luật, gây thiệt hại tài sản của ông.

Đơn khiếu nại của ông Võ Thanh S đã được thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2 tại Thông báo số 134/TB-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố và Quyết định số 5077/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 giao Thanh tra thành phố tiến hành xác minh, làm rõ và báo cáo Chủ tịch UBND thành phố về kết quả xác minh theo đúng quy định.

Kết quả xác minh và căn cứ để nhận định:

Ngày 26/02/2020, Thanh tra thành phố có Báo cáo số 02/BC-TTTP về việc ông Võ Thanh S khiếu nại Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L, trong đó kiến nghị:

- Đối với UBND quận L: Hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019.

- Đối với Ban Tiếp công dân thành phố: Tham mưu cho Chủ tịch UBND thành phố hủy bỏ Quyết định số 5077/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của ông Võ Thanh S và Thông báo số 134/TB-UBND ngày 04/11/2019 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2; Làm việc và giải thích cũng như hướng dẫn ông Võ Thanh S gửi đơn khiếu nại đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Xét Báo cáo số 02/BC-TTTP của Thanh tra thành phố, ngày 11/5/2020 Chủ tịch UBND thành phố có Công văn số 314/UBND-TTTP với nội dung:

Thống nhất với đề nghị của Thanh tra thành phố tại Báo cáo số 02/BC-TTTP ngày 26/02/2020 của Thanh tra thành phố, trong đó:

Yêu cầu Chủ tịch UBND quận L hủy toàn bộ quá trình giải quyết khiếu nại đối với ông Võ Thanh S.

- Sau khi nhận kết quả thực hiện tại Đ, Ban Tiếp công dân thành phố lập thủ tục xử lý những vấn đề phát sinh theo quy định; làm việc với ông Võ Thanh S để giải thích, hướng dẫn ông Võ Thanh S gửi đơn khiếu nại đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Ngày 18/9/2020, Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 2924/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L. Tuy nhiên, ông Võ Thanh S không đồng ý rút đơn khiếu nại và có đơn yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với nội dung khiếu nại đã thụ lý.

- Ngày 15/01/2021 Văn phòng UBND thành phố có Thông báo số 17/TB-VP thông báo kết luận của Chủ tịch UBND thành phố L tại cuộc họp về tình hình công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Theo đó yêu cầu Thanh tra thành phố:

- Căn cứ nội dung khiếu nại đã được Chủ tịch UBND thành phố giao xác minh, khẩn trương rà soát, báo cáo đề xuất Chủ tịch UBND thành phố giải quyết khiếu nại theo quy định, hoàn thành trước ngày 20/01/2021.

Thực hiện Thông báo số 17/TB-VP ngày 15/01/2021, Thanh tra thành phố có Báo cáo số 213/BC-TTTP ngày 24/3/2021 về kết quả xác minh khiếu nại của ông Võ Thanh S, cụ thể:

a) Đối với khiếu nại văn bản hành chính

- Khiếu nại Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch UBND quận L:

Thông báo số 135/TB-UBND có nội dung cụ thể sau: Giao Chủ tịch UBND phường H chủ trì, phối hợp với Phòng T kiểm tra, xác minh tính pháp lý về nguồn gốc đất và báo cáo UBND quận trong tháng 02/2019 để chỉ đạo xử lý; Giao Ban Giải phóng mặt bằng quận chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng, UBND phường H tổ chức đo đạc lại diện tích đất, kiểm đếm vật kiến trúc, cây cối hoa màu và tham mưu UBND quận chỉ đạo xử lý theo quy định trước ngày 28/02/2019; Giao Đội Kiểm tra Quy tắc đô thị quận phối hợp cùng các ngành chức năng, UBND phường H và Công ty Cổ phần Đ3 để hỗ trợ đơn vị thi công rào chắn xung quanh khu đất và hoàn thành trong tháng 02/2019.

Như vậy, Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch UBND quận L là văn bản hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 thì ông Võ Thanh S khiếu nại Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch UBND quận L là khiếu nại thuộc trường hợp không được thụ lý giải quyết.

- Khiếu nại Thông báo số 320/TB-UBND ngày 08/04/2019 của Chủ tịch UBND phường H:

Nội dung của Thông báo số 320/TB-UBND là: ... *Yêu cầu ông* Võ Thanh S *di dời tài sản ra khỏi 02 thửa đất số 321 và 323 tờ bản đồ số 4 theo đăng ký Nghị định 64/CP, thời gian di dời trước 13h ngày 09/4/2019*.

Căn cứ Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011 thì ông Võ Thanh S khiếu nại Thông báo số 320/TB-UBND ngày 08/04/2019 của Chủ tịch UBND phường H thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND phường H. Vì vậy, việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận L đối với khiếu nại Thông báo số 320/TB-UBND là không đúng thẩm quyền.

b) Đối với khiếu nại hành vi hành chính

- Khiếu nại hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường H tiến hành cưỡng chế, tự ý di dời tài sản trong phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu của Chủ tịch UBND phường H theo Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Khiếu nại hành vi hành chính của Đội trưởng Đội Kiểm tra Quy tắc đô thị quận Đ4 đã tiến hành rào chắn, tổ chức cưỡng chế trái pháp luật, gây thiệt hại tài sản của ông thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu của Đội trưởng Đội Kiểm tra quy tắc đô thị quận L theo Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011.

Vì vậy, Chủ tịch UBND quận L giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường H và khiếu nại hành vi hành chính của Đội trưởng Đội kiểm tra quy tắc đô thị là không đúng thẩm quyền.

Tại Biên bản đối thoại với ông Võ Thanh S ngày 22/4/2021, Phó Chủ tịch UBND thành phố L thống nhất với Báo cáo số 213/BC-TTTP ngày 24/3/2021

của Thanh tra thành phố và giao Thanh tra thành phố dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành.

- Ngày 05/5/2021, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 1526/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Thanh S (lần hai) với nội dung cụ thể:

"Điều 1. *Chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông* Võ Thanh S *đối với Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của* UBND quận L *về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông* Võ Thanh S*, trú tại* tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng *(lần đầu*).

Điều 2. *Yêu cầu Chủ tịch* UBND quận L:

- *Huỷ bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch* UBND quận L *về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông* Võ Thanh S *(lý do: Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch* UBND quận L *giải quyết khiếu nại không đúng quy định*).

- *Chỉ đạo hướng dẫn ông* Võ Thanh S *gửi đơn khiếu nại đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết*."

Từ cơ sở trên, Chủ tịch UBND thành phố khẳng định Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Thanh S (lần hai) là đúng quy định của pháp luật. Quyết định này có nội dung chấp nhận đơn khiếu nại của ông Võ Thanh S về việc hủy toàn bộ nội dung Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L. Việc ông Võ Thanh S yêu cầu hủy Quyết định số 1526/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Thanh S (lần hai) là không có cơ sở.

Chủ tịch UBND thành phố đề nghị Tòa án nhân dân thành phố không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H, Võ Thanh S; giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 844368, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277 cấp cho Công ty Cổ phần Đ3; giữ nguyên Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Thanh S (lần hai).

**** Người bị kiện là UBND và Chủ tịch*** UBND quận L ***trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay trình bày:***

1. Liên quan đến yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2021:

- Ngày 09/7/2019, Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 2644/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của ông Võ Thanh S, trú tại tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Khiếu nại văn bản hành chính gồm: Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch UBND quận L, ý kiến kết luận về việc giải quyết đơn

của hộ ông Võ Thanh S, Võ Thanh H; Thông báo số 320/TB- UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND phường H về việc di dời tài sản ra khỏi thửa đất số 321 và 323, tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP.

- Khiếu nại hành vi hành chính gồm: Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường H tiến hành cưỡng chế, tự ý di dời tài sản của ông Võ Thanh S trong phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông S; hành vị hành chính của Đội trưởng Đội kiểm tra quy tắc đô thị quận đã tiến hành rào chắn, tổ chức cưỡng chế trái pháp luật, gây thiệt hại tài sản của ông Võ Thanh S trên đất chưa được thu hồi giải tỏa đúng pháp luật.

- Qua quá trình thụ lý, trên cơ sở kết quả xác minh, ngày 26/9/2019 UBND quận L ban hành Quyết định số 4035/QĐ-UBND về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông Võ Thanh S, trú tại tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (lần đầu). Kết quả giải quyết:

+ Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Võ Thanh S, trú tại tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Khiếu nại Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch UBND quận L; Thông báo số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND phường H, hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường H, hành vi hành chính của Đội trưởng Đội kiểm tra quy tắc đô thị quận.

+ Giữ nguyên Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch UBND quận L kết luận việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Võ Thanh S, ông Võ Thanh H và Thông báo số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND phường H về việc di dời tài sản ra khỏi thửa đất 321, 323 tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP.

- Không đồng ý với kết quả giải quyết tại Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND quận, ông Võ Thanh S tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Đ.

- Ngày 05/5/2021, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1526/QĐ-UBND, tại Điều 2 của Quyết định yêu cầu Chủ tịch UBND quận L:

+ Hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông Võ Thanh S, trú tại tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (lần đầu). Lý do: Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L giải quyết khiếu nại không đúng quy định.

+ Vì ông Võ Thanh S khiếu nại thuộc trường hợp không được thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 11 và Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011.

2. Về nguồn gốc đất, thực trạng thửa đất:

- Về hiện trạng thực tế, tính pháp lý nguồn gốc của thửa đất 321 và 323 tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP:

Thửa đất 321 trước năm 2001 là Kho vật tư J258, loại đất An ninh quốc phòng, theo thực tế tại bản đồ Google Earth năm 2002 trên đất có tường rào cao 2 mét và nhà xưởng của đơn vị J258.

- Về quy hoạch tại thửa 321:

Ngày 24/8/2012, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định 6900/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1:500 khu D. Ngày 23/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định 1670/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1:500 Khu đất liền kề phía Tây bắc và Tây nam Khu du lịch X. Ngày 22/02/2019 Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định 869/QĐ-UBND về việc phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết TL 1:500 Khu D (M và H).

- Theo ý kiến trình bày của Tổ trưởng và Tổ P, phường H nơi vị trí thửa đất: Thửa đất 321 trước đây thuộc J258 là đất quốc phòng, sau đó là đất trống, khoảng sau năm 2010, ông Hoàng Đình L tận dụng một phần mảnh đất trên làm ao nuôi cá và trồng rau và một phần trong khoảng 02 năm gần đây (2017, 2018) trên đất có trồng chuối, xoài. Riêng việc rào dây thép gai, trụ bê tông để kéo dây thép gai và 01 container trên thửa đất có vào đầu năm 2019.

- Thửa đất 323 trước đây loại đất Hoang do UBND phường quản lý. Thực tế hiện trạng, hiện nay nằm ngoài dự án M và H, một phần nằm trong diện tích đất dãy trọ của dân và một phần diện tích đất nằm đường đi đã được quy hoạch.

3. Qua đối chiếu 06 hồ sơ đơn xin giao đất để làm nhà ở ông Võ Thanh S cung cấp (bản photo), tại vị trí đơn xin giao đất, lồng ghép bản đồ 64/CP với bản đồ hiện trạng đất, bản đồ quy hoạch dự án M và Hotel R nhận thấy:

- Vị trí hồ sơ đơn xin giao đất để làm nhà ở do ông Võ Thanh S cung cấp (bản photo), đối với 02 hồ sơ (ông Võ Thanh S và bà Võ Thị Thu T) không nằm trong dự án M và H.

- Vị trí hồ sơ đơn xin giao đất để làm nhà ở, ông Võ Thanh S cung cấp (bản photo), đối với hồ sơ ông Võ Thanh H một phần diện tích đất không nằm trong dự án Mikazuki Spa và H, một phần diện tích đất nằm trong dự án M và H, nhưng trước đây là đất Kho vật tư J258, loại đất An ninh quốc phòng.

- Vị trí hồ sơ ông Nguyễn Đức Á, bà Bùi Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị Thanh M1 do ông S cung cấp (bản photo), hiện trạng trước đây là đất Kho vật tư J258, loại đất An ninh quốc phòng, theo thực tế trên bản đồ Google Earth năm 2002 có tường rào cao 2 mét và nhà xưởng của đơn vị J258 (hiện nay nằm trong dự án M và H).

Qua kiểm tra, thực tế 06 đơn xin giao đất để làm nhà ở (06 hồ sơ photo kèm theo) do ông Võ Thanh S cung cấp, trong đó 05 hồ sơ các hộ ủy quyền cho ông Võ Thanh S và 01 hồ sơ của ông S; vị trí trước đây tại thửa 321, 323 tờ bản đồ 64/CP, nhưng hiện nay 02 hồ sơ (ông Võ Thanh S và Võ Thị Thu T) không nằm trong dự án Mikazuki Spa và Hotel R; 01 hồ sơ của ông Võ Thanh H, một phần diện tích đất không nằm trong dự án, một phần diện tích đất nằm trong dự

án M và H; 03 hồ sơ còn lại tất cả diện tích đất đang nằm trong dự án Mikazuki Spa và H, tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277, diện tích 51.941,3 m^2, ngày 01/02/2019 UBND thành phố Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 884368.

4. Về hồ sơ xin giao đất:

Theo báo cáo trình bày của ông Phan Văn N1, nguyên cán bộ địa chính UBND phường H (cũ) xác định về nguồn gốc đất tại thửa 321, 323, tờ bản đồ số 4 theo Sổ mục kê Nghị định 64/CP là đất Quốc phòng do đơn vị vận tải và kho J258 quản lý. Hơn nữa, ông Phan Văn N1 khẳng định trong thời gian phụ trách công tác địa chính từ năm 1993 đến tháng 7 năm 2004 không nhận và không tham mưu cho xã phường ký xác nhận 06 hồ sơ xin giao đất để xây dựng nêu trên do ông Võ Thanh S cung cấp. Bên cạnh đó hiện 06 hồ sơ có bản phô tô công chứng, không có bản gốc.

Về thực hiện nộp thuế nhà - đất, ông S đã cung cấp 15 biên lai thu thuế nhà đất (15 biên lai photo): Qua sao lục Chi cục Thuế Khu vực T4 xác nhận theo hồ sơ lưu của 15 biên lai (photo) do ông S cung cấp: trong đó 08 biên lai không phù hợp với hồ sơ lưu, 07 biên lai thu năm 2017 và 2018 đúng với hồ sơ lưu tại Chi cục Thuế.

5. Căn cứ pháp lý để phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và chính sách giải quyết 06 hồ sơ đơn xin giao đất của ông S cung cấp:

- Quá trình thực hiện triển khai dự án M và Hotel Resort, Ban Giải phóng mặt bằng quận L không được giao nhiệm vụ liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai dự án hộ ông Võ Thanh S và ông Võ Thanh H không đồng ý nên cản trở việc thi công.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND quận tại buổi làm việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Võ Thanh S và ông Võ Thanh H vào ngày 19/02/2019 và tại điểm 2 của Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch UBND quận L ý kiến kết luận về việc giải quyết đơn của hộ ông Võ Thanh S, Võ Thanh H" "*Giao cho* B *Giải phóng mặt bằng quận chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng,* UBND phường H *tổ chức đo đạc lại diện tích đất, kiểm đếm vật kiến trúc, cây trồng hoa màu, tham mưu UBND quận chỉ đạo xử lý theo quy định trước ngày 28 tháng 02 năm 2019*".

- Theo đó, ngày 20/02/2019 Ban Giải phóng mặt bằng quận phối hợp các ngành chức năng có liên quan tiến hành kiểm tra thực trạng và tài sản tại 06 thửa đất nêu trên (có biên bản kèm theo), đại diện ông Võ Thanh S và ông Võ Thanh H ký biên bản. Căn cứ biên bản kiểm đếm, Ban Giải phóng mặt bằng quận thông báo kết quả giải quyết hỗ trợ gửi ông Võ Thanh S (Thông báo số 142/TB-BGPMB ngày 08/5/2019) cho hộ ông Võ Thanh S và các hộ đã ủy quyền cho ông S, tổng số tiền hỗ trợ 21.005.319 đồng (có bảng chi tiết kèm theo); và thông báo cho ông Võ Thanh H (Thông báo số 143/TB-BGPMB ngày 08/5/2019) với số tiền 3.446.220 đồng. Thông báo của Ban Giải phóng mặt bằng quận đã giao

UBND phường H phối hợp gửi và vận động ông S đến nhận tiền nhưng đến nay ông S chưa liên hệ và chưa đến Ban Giải phóng mặt bằng quận để nhận tiền hỗ trợ.

Như vậy, đối với 06 hồ sơ đơn xin giao đất làm nhà ở do ông S cung cấp kèm theo: UBND quận L khẳng định việc sử dụng đất của 06 hồ sơ nêu trên tại thửa 321 và thửa 323 tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP là trái phép, các hộ dân tự lấn chiếm sử dụng đất công khi chưa được cơ quan thẩm quyền cho phép và hành vi này là vi phạm pháp luật về đất đai; không có cơ sở pháp lý để thực hiện thu hồi đất theo trình tự, thủ tục luật định; đồng thời, không có cơ sở pháp lý thực hiện bồi thường, đền bù, hỗ trợ việc thu hồi đất.

Các cơ quan chức năng của quận phối hợp thực hiện việc di dời tài sản, hỗ trợ thi công nhằm đảm bảo tiến độ thi công trên thửa đất thuộc quyền hợp pháp đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 884368 vào ngày 01/02/2019. Ngoài ra, Nhà nước không công nhận quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân nào khác và việc này không phải là thu hồi đất theo quy định và không phải là cưỡng chế hành chính.

* *Người bị kiện là Chủ tịch* UBND phường H *và người có quyền, nghĩa vụ liên quan* UBND phường H *trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay trình bày:*

Về yêu cầu buộc Chủ tịch UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) do đã ban hành Thông báo di dời tài sản số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019. UBND phường H có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

1. Đối với việc ban hành Thông báo số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019 của UBND phường H

Thực hiện nội dung Thông báo 135/TB-UBND ngày 27/02/2018 của UBND quận L về việc giải quyết đơn của hộ ông Võ Thanh S, ông Võ Thanh H. Theo đó, UBND quận đã giao cho UBND phường H như sau:

"*Tổ chức vận động ông* Võ Thanh S*, ông* Võ Thanh H *cho chủ đầu tư tiến hành rào chắn khuôn viên đất để bảo vệ môi trường trong thời gian chờ các ngành chức năng tham mưu xử lý về việc bồi thường hỗ trợ tài sản trên đất cho các hộ. Trường hợp ông* S*, ông* H *không đồng ý, UBND phường lập kế hoạch hỗ trợ thi công rào chắn xung quanh khu đất*."

Thực hiện nội dung trên, ngày 28/02/2019 UBND phường H đã tổ chức buổi làm việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Võ Thanh S, ông Võ Thanh H tại UBND phường. Tại buổi làm việc UBND phường đã yêu cầu ông S cung cấp hồ sơ có liên quan (bản gốc) đến thửa đất số 321 và 323, tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP và vận động ông S phối hợp tạo điều kiện cho chủ đầu tư tiến hành rào chắn khuôn viên khu đất mà UBND thành phố đã cấp GCN cho Công ty Cổ phần Đ3.

Kết thúc buổi làm việc, ông S đã không cung cấp hồ sơ bản gốc liên quan đến thửa đất số 321, 323 tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP (Đơn xin giao đất và Sơ đồ vị trí đất xin giao), không đồng ý cho chủ đầu tư rào chắn khuôn viên đất và không ký vào biên bản. Ngày 01/3/2019, UBND phường đã ban hành Thông báo số 172/TB-UBND yêu cầu ông S và các hộ dân có liên quan cung cấp các giấy tờ bản gốc đối với 2 thửa đất 321 và 323 tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP trong thời gian từ ngày 01/3/2019 đến ngày 04/3/2019 để UBND phường có cơ sở báo cáo UBND quận có hướng xử lý.

Nhưng đến ngày 04/3/2019, ông S và ông H vẫn không cung cấp cho UBND phường bản gốc của các giấy tờ có liên quan đến thửa đất số 321 và 323 tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP. Ngày 05/3/2019, UBND phường phối hợp với Đội kiểm tra Quy tắc đô thị quận tiến hành hỗ trợ đơn vị thi công rào chắn khuôn viên đất để bảo vệ môi trường và thi công các hạng mục khác tại thửa đất mà UBND thành phố đã cấp GCN cho Công ty Cổ phần Đ3.

Sau khi UBND phường và Đội Kiểm tra Quy tắc đô thị quận tiến hành hỗ trợ đơn vị thi công rào chắn khu đất trên, UBND phường và đội Kiểm tra Quy tắc đô thị quận nhiều lần vận động yêu cầu ông S và các hộ dân có liên quan khẩn trương di dời tài sản bàn giao đất sạch cho chủ đầu tư nhưng ông S và các hộ dân có liên quan vẫn không chấp hành. Nên ngày 06/4/2019, UBND phường có Công văn 312/UBND-ĐC gửi cho Chi nhánh C về việc đề nghị tạm ngừng cung cấp nước tại khu vực tổ C, phường H và Công văn 314/UBND-ĐC gửi cho Điện lực C về việc đề nghị tạm ngừng cung cấp điện tại khu vực tổ C, phường H. Đến ngày 08/4/2019, UBND phường có Thông báo số 320/TB-UBND gửi cho ông S và các hộ dân có liên quan, về việc di dời tài sản ra khỏi thửa đất số 321 và 323 tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP, hoàn thành trước 13h00 ngày 09/4/2019. Sau thời gian quy định, nếu các hộ không chấp hành, UBND phường sẽ phối hợp các cơ quan tiến hành di dời, mọi tổn hại về tài sản UBND phường không chịu trách nhiệm.

Ngày 09/4/2019, UBND phường có kế hoạch 345/KH-UBND về việc tổ chức thực hiện di dời tài sản của các hộ dân tại thửa đất số 321 và 323, tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP thuộc phường H (thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ 277 đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận số CT 52507 cho Công ty Cổ phần Đ3 ngày 01/02/2019). Đến ngày 10/4/2019, đã quá thời gian tự di dời, ông S và các hộ dân vẫn không tự di dời tài sản theo thời gian yêu cầu nên UBND phường phối hợp với Đội Kiểm tra Quy tắc đô thị quận tổ chức cưỡng chế di dời container và các tài sản khác ra khỏi vị trí đất đã được UBND thành phố Đ cấp GCN cho Công ty Cổ phần Đ3, bàn giao lại mặt bằng, đất cho Công ty Cổ phần Đ3 và đơn vị thi công triển khai thi công công trình.

Trong quá trình UBND phường phối hợp với Đội Kiểm tra quy tắc đô thị quận tổ chức di dời tài sản, UBND phường đã tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định, gửi thông báo trước (có quy định thời hạn) để chủ hộ biết và chấp hành. Quá trình thực hiện không có sự tham gia, chứng kiến của ông Võ Thanh

S, trước khi di dời UBND phường đã lập biên bản kiểm kê, niêm phong tài sản (gồm 01 container khoảng 20feet đã được khóa bên ngoài, toàn bộ tài sản bên trong được giữ nguyên) theo quy định. Sau đó lập biên bản tổ chức di dời, đưa về nơi tạm giữ của UBND phường theo quy định. Còn lại phần tài sản là cây cối, hoa màu đã được Ban Giải phóng mặt bằng quận chủ trì kiểm đếm trước khi phường tổ chức di dời (theo thông báo số 135/TB-UBND của UBND quận).

Song song với việc thực hiện theo nội dung chỉ đạo của UBND quận L. UBND phường cũng đã tiến hành kiểm tra, xác minh về nguồn gốc sử dụng đối với thửa đất số 321 và thửa số 323, tờ bản đồ 04 theo NĐ 64/CP như sau: Theo hồ sơ do ông Võ Thanh S và ông Võ Thanh H cung cấp là các bản photo chứng thực được thực hiện tại Văn phòng Công chức Huỳnh Bá Đ2 nên UBND phường không thể kiểm tra được tính pháp lý và nguồn gốc của 02 thửa đất nêu trên có đúng hay không. Đồng thời, qua kiểm tra Sổ mục kê được lập theo NĐ 64/CP thì thửa đất số 321, tờ bản đồ 04, diện tích 47.077m^2 là Kho vật tư J258, loại đất An ninh quốc phòng. Nên việc ông H có đơn xin giao đất có xác nhận của UBND phường H (cũ) năm 2000 là không hợp lý. UBND phường đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Võ Thanh S và ông Võ Thanh H cung cấp bản gốc Đơn xin giao đất cùng các giấy tờ có liên quan để có cơ sở xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất. Tuy nhiên, các hộ dân vẫn không cung cấp. Đồng thời, theo hiện trạng thực tế tại thời điểm đó, thì toàn bộ diện tích đất (1.600m^2) mà các hộ được giao tại thửa đất số 321 và thửa số 323, tờ bản đồ 04 theo NĐ 64/CP nằm hoàn toàn trong thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277, diện tích 51.941,3m^2 thuộc phường H, đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đ3 ngày 01/02/2019.

Qua đó, việc UBND phường ban hành Thông báo số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019 theo đúng tinh thần chỉ đạo của UBND quận L tại Thông báo số 135/TB-UBND ngày 27/02/2019 và việc tiến hành tổ chức thực hiện di dời đúng theo quy định của pháp luật đối với công tác quản lý đất đai tại địa phương.

2. Các nội dung khác có liên quan

Sau khi kiểm tra, UBND phường xét thấy các bộ hồ sơ (photo) mà 02 ông S và H cung cấp có dấu hiệu nghi vấn như sau:

- Các bản photo chứng thực đơn xin giao đất mà 02 ông cung cấp không phải do UBND phường H chứng thực mà chứng thực tại Văn phòng công chứng Huỳnh Bá Đ2.

- Thửa đất số 321, tờ bản đồ số 04, diện tích 47.077 m^2 là Kho vật tư J258, loại đất An ninh quốc phòng. Nên việc ông H có đơn xin giao đất có xác nhận của UBND phường H (cũ) năm 2000 đối với thửa đất trên là không hợp lý.

- Ngoài ra, qua thu thập xác minh thêm thì UBND phường phát hiện Đơn xin xác nhận có nhà ở mà ông S cung cấp cho Chi nhánh C để ký hợp đồng điện nước nội dung bút phê, chữ ký của cán bộ chuyên môn và chữ ký của Chủ tịch

UBND phường không đảm bảo, có dấu hiệu nghi vấn giả mạo. vì thực tế không có nhà trên đất mà có xác nhận nhà ở.

Từ những nhận định nêu trên, UBND phường đã có Công văn số 296/UBND-ĐC ngày 03/9/2019 gửi Công an quận L đề nghị tiến hành xác minh làm rõ và có công văn phúc đáp cho UBND phường. Tuy nhiên từ thời gian đó đến nay, UBND phường vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi từ Công an quận xử lý.

Riêng đối với các biên lai thu thuế nhà, đất có số ký hiệu ban hành năm 2007 nhưng lại xác nhận thu thuế vào thời điểm năm 2005, UBND phường đã có Công văn số 313/UBND-ĐC gửi Chi cục thuế xác minh và sao lục hồ sơ kê khai và biên lai thu thuế nhà, đất của các hộ dân có liên quan. Đến ngày 17/4/2019, UBND phường đã nhận được Công văn số 119/1/CCT-KK&KTT của Chi cục thuế quận T4 xác nhận hồ sơ và cung cấp thông tin của 14 biên lai thuế do người dân cung cấp. Qua đó, xác nhận theo hồ sơ lưu tại Chi cục Thuế: 07 biên lai đúng với hồ sơ; 05 biên lai không đúng hồ sơ trong đó có 04 biên lai thuộc số biên lai cấp cho phường H; 02 biên lai mờ không có cơ sở xác nhận.

3. Qua xem xét hồ sơ và xử lý vụ việc từ năm 2019 cho đến nay, UBND phường H đưa ra một số ý kiến gửi Tòa án Nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét như sau:

- Việc người khởi kiện sử dụng các loại giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất (toàn bộ giấy tờ photo, không có bản gốc) chưa đảm bảo tính pháp lý để buộc Chủ tịch UBND phường bồi thường thiệt hại số tiền 900.000.000 đồng (*chín trăm triệu đồng*) do ban hành Thông báo di dời tài sản số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019 là không đủ cơ sở.

- Đối với vị trí đất có liên quan đến vụ án (thửa số 321, thửa số 323 tờ bản đồ 04 theo NĐ 64/CP của phường H cũ): thửa đất số 06, tờ bản đồ 277 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đ3 ngày 01/02/2019 thuộc địa giới hành chính của phường H (đã có biên bản hiệp thương địa giới hành chính giữa hai phường H và Hòa Khánh B1 từ năm 2013). Quá trình Trung tâm phát triển quỹ đất bàn giao đất, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ bàn giao mốc và ranh giới cho Công ty Cổ phần Đ3 thuộc ranh giới quản lý đất đai của phường H.

Từ những ý kiến trên, UBND và Chủ tịch UBND phường H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh S và những người mà ông S được ủy quyền.

* *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông* Hoàng Đình L *vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng trong quá trình tố tụng trình bày:*

Trước đây tôi có khai hoang thửa đất thuộc thửa đất số 321, 323 tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 1999 - 2000 tôi đã chuyển nhượng cho ông Võ Thanh S tổng diện tích 1.600m^2 đất, có viết giấy chuyển nhượng và giao đất thực tế cho ông S. Việc chuyển nhượng là

đúng sự thật, tôi khai hoang thửa đất trên nên tôi có quyền chuyển nhượng cho ông S. Tôi đề nghị xem xét và công nhận việc chuyển nhượng diện tích trên giữa tôi và ông S là hoàn toàn đúng sự thật.

** Ngươì có quyền, nghĩa vụ liên quan là* Công ty Cổ phần Đ3 *trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay đều không có mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.*

**** Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.***

Tại Bản án hành chính sơ thẩm 26/2022/HC-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tố tụng Hành chính và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H và Võ Thanh S về việc yêu cầu:

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 844368 thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277 do UBND thành phố Đ cấp ngày 01/02/2019 cho Công ty Cổ phần Đ3 với diện tích đất 1.600m^2.

Hủy Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông Võ Thanh S (lần đầu).

Hủy Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Thanh S (lần hai).

Buộc UBND quận L, thành phố Đà Nẵng chấm dứt hành vi thu hồi đất trái pháp luật (không thực hiện thủ tục thu hồi đất theo trình tự, thủ tục luật định, không thực hiện bồi thường, đền bù, hỗ trợ thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế xã hội).

Yêu cầu Chủ tịch UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng buộc bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 900.000.000 đồng do đã ban hành Thông báo di dời tài sản số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2022, người khởi kiện ông Võ Thanh S (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện còn lại) có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị TAND cấp cao tại Đà Nẵng

sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: thống nhất trình bày của người bảo vệ đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, làm rõ việc làm trái pháp luật của UBND quận L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND quận L trình bày: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của những người khởi kiện giữ y bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Tòa án sơ thẩm đã xét xử và quyết định là đúng pháp luật, những người khởi kiện kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới, do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của những người khởi kiện giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H, Võ Thanh S, thấy:

[1.1] Ngày 22/11/2018, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 5588/QĐ-UBND và Quyết định số 5589/QĐ-UBND phê duyệt phương án đấu giá và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất liền kề phía T và Tây Nam Khu du lịch X tại phường H, cụ thể: Diện tích: 54.865m^2. Mục đích sử dụng: Đất thương mại dịch vụ. Thời gian thuê đất: 50 năm (trả tiền thuê đất hàng năm). Ngày 16/01/2019, UBND thành phố có Quyết định số 270/QĐ-UBND công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm đối với khu đất nêu trên cho Công ty Cổ phần Đ3. Ngày 31/01/2019, Sở T và Công ty Cổ phần Đ3 ký Hợp đồng thuê đất số 02/HĐ-TĐ. Ngày 01/02/2019, UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 844368, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277 cho Công ty Cổ phần Đ3, với nội dung: Diện tích: 51.941,3m^2. Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ. Thời hạn sử dụng: đến ngày 16/01/2069. Các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H, Võ Thanh S cho rằng Giấy chứng nhận đã cấp có phần đất của các ông bà nên đã yêu cầu hủy

một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 844368, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277 đã cấp cho Công ty Cổ phần Đ3.

[1.2] Xét về nguồn gốc thửa đất: Theo sổ mục kê của UBND phường H thể hiện: Thửa đất 321 và 323 tờ bản đồ số 04 được kê khai theo Nghị định 64/CP như sau: Thửa đất 321 trước năm 2001 là Kho vật tư J258, loại đất An ninh quốc phòng, theo thực tế tại bản đồ Google Earth năm 2002 trên đất có tường rào cao 2 mét và nhà xưởng của đơn vị J258. Thửa đất 323 trước đây loại đất Hoang do UBND phường quản lý. Theo ý kiến trình bày Tổ trưởng và Tổ P, phường H nơi vị trí thửa đất: Thửa đất 321 trước đây thuộc J258 là đất quốc phòng, sau đó là đất trống, khoảng sau năm 2010, ông Hoàng Đình L tận dụng một phần mảnh đất trên làm ao nuôi cá và trồng rau và một phần trong khoảng 02 năm gần đây (2017, 2018) trên đất có trồng chuối, xoài. Riêng việc rào dây thép gai, trụ bê tông để kéo dây thép gai và 01 container trên thửa đất thì thấy có rào vào đầu năm 2019. Thửa đất 323 trước đây loại đất Hoang do UBND phường quản lý. Thực tế hiện trạng, hiện nay nằm ngoài dự án M và H, một phần nằm trong diện tích đất dãy trọ của dân và một phần diện tích đất nằm đường đi đã được quy hoạch. Do đó về nguồn gốc đất không phải của ông L và trong suốt quá trình tố tụng ông L không cung cấp được các tài liệu chứng cứ gì để chứng minh mình được quyền quản lý, sử dụng đất nói trên theo quy định của pháp luật.

[1.3] Xét các loại giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất của các ông bà trên thấy: Đối chiếu 06 hồ sơ đơn xin giao đất để làm nhà ở do ông Võ Thanh S đại diện cung cấp (bản photo) được UBND phường H (củ) xác nhận có vẽ sơ đồ kèm theo thể hiện: - Vị trí hồ sơ đơn xin giao đất để làm nhà ở, ông Võ Thanh S và bà Võ Thị Thu T không nằm trong dự án M và H (vì hồ sơ xin giao đất của ông S và bà T ghi là thuộc thửa 323 trong khi thực tế thì nằm ở vị trí khác trong dự án và thuộc khu đất của Kho vật tư J258, loại đất An ninh quốc phòng, thửa số 321). - Vị trí hồ sơ đơn xin giao đất để làm nhà ở (bản photo) của ông Võ Thanh H một phần diện tích đất không nằm trong dự án Mikazuki Spa và H, một phần diện tích đất nằm trong dự án M và H, nhưng trước đây là đất của Kho vật tư J258, loại đất An ninh quốc phòng. - Vị trí hồ sơ ông Nguyễn Đức Á, bà Bùi Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị Thanh M1 (bản photo), hiện trạng trước đây là đất của Kho vật tư J258, loại đất An ninh quốc phòng, theo thực tế trên bản đồ Google Earth năm 2002 có tường rào cao 2 mét và nhà xưởng của đơn vị J258 (hiện nay nằm trong dự án M và H). Như vậy xét nguồn gốc đất thì 06 hồ sơ của các ông bà trên thể hiện mua của ông Hoàng Đình L, tuy nhiên không có xác nhận của chính quyền địa phương, chỉ là viết tay. Do đó, không có căn cứ xác định nguồn gốc đất là ông L khai hoang vì theo kê khai Nghị định 64/CP và Chỉ thị 299/TTg tại Sổ mục kê đều thể hiện thửa đất 321 trước đây thuộc J258 là đất quốc phòng, thửa đất 323 trước đây loại đất Hoang do UBND phường quản lý.

[1.4] Tại Văn bản trả lời của Chi cục thuế thể hiện: Các hộ có nộp thuế nhà đất từ năm 2006 đến 2018. Tuy nhiên biên lai thuế chỉ xác định về thời điểm

sử dụng đất không phải là một trong các loại giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất.

[1.5] Các hộ cung cấp hồ sơ xin cấp đất làm nhà ở có xác nhận của UBND phường H nhưng không có bản chính mà chỉ là bản phô tô có công chứng, Tại Công văn số 916/UBND-ĐC ngày 7/8/2023 của U xác định: " ..chữ ký của cán bộ chuyên môn và chữ ký của Chủ tịch UBND phường không đảm bảo, có dấu hiệu nghi vấn giả tạo…UBND phường đã có công văn đề nghị Công an quận L xác minh làm rõ tính hợp pháp, hợp lệ đối với tài liệu, ngày 24/8/2022 UBND thành phố Đ có Văn bản số 3078/VP-NC đề nghị UBND quận L chỉ đạo Công an quận và các đơn vị chức năng có liên quan xác minh làm rõ hồ sơ có dấu hiệu giả mạo nhưng đến nay UBND phường chưa nhận được phản hồi về kết quả xác minh các tài liệu trên". Vì vậy, không có căn cứ xác định thửa đất số 321 và 323 có nguồn gốc là đất khai hoang của ông Hoàng Đình L đã chuyển nhượng cho các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H, Võ Thanh S. Việc UBND thành phố Đ đã tiến hành các thủ tục đấu giá cấp Giấy CNQSDĐ cho Công ty Cổ phần Đ3 là có căn cứ, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các ông bà. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 844368 thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277 do UBND thành phố Đ cấp ngày 01/02/2019 cho Công ty Cổ phần Đ3 với diện tích đất 1.600m^2 là có căn cứ.

[1.6] *Đối với yêu cầu Chủ tịch* UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng *buộc bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 900.000.000 đồng do đã ban hành Thông báo di dời tài sản số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019:*

Ngày 28/02/2019, UBND phường H có buổi làm việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Võ Thanh S, ông Võ Thanh H. UBND phường đã yêu cầu ông S cung cấp hồ sơ có liên quan (bản gốc) đến thửa đất số 321 và 323, tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP và vận động ông S phối hợp tạo điều kiện cho chủ đầu tư tiến hành rào chắn khuôn viên khu đất mà UBND thành phố đã cấp Giấy chứng nhận cho Công ty Cổ phần Đ3. Ông S đã không cung cấp hồ sơ bản gốc liên quan đến thửa đất số 321, 323; tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP, không đồng ý cho chủ đầu tư rào chắn khuôn viên đất và không ký vào biên bản. Ngày 01/3/2019, UBND phường đã ban hành Thông báo số 172/TB-UBND yêu cầu ông S và các hộ dân có liên quan cung cấp các giấy tờ bản gốc đối với 2 thửa đất 321 và 323 tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP trong thời gian từ ngày 01/3/2019 đến ngày 04/3/2019 để UBND phường có cơ sở báo cáo UBND quận có hướng xử lý. Ngày 09/4/2019, UBND phường có kế hoạch 345/KH-UBND về việc tổ chức thực hiện di dời tài sản của các hộ dân tại thửa đất số 321 và 323, tờ bản đồ số 04 theo Nghị định 64/CP thuộc phường H (thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ 277 đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận cho Công ty Cổ phần Đ3 ngày 01/02/2019). Đến ngày 10/4/2019, đã quá thời gian tự di dời, ông S và các hộ dân vẫn không tự di dời tài sản theo thời gian yêu cầu, UBND phường phối hợp với Đội Kiểm tra Quy tắc đô thị quận tổ chức cưỡng chế di dời container và các tài sản khác ra khỏi vị trí đất đã được UBND thành

phố Đ cấp Giấy chứng nhận cho Công ty Cổ phần Đ3, bàn giao lại mặt bằng, đất cho Công ty Cổ phần Đ3 và đơn vị thi công triển khai thi công công trình. Tại Văn bản số 916/UBND-NC ngày 7/8/2023 UBND phường H cho rằng: "UBND phường không tạm giữ, quản lý và bảo quản đối với tài sản là container nêu trên….Đoàn công tác đã thông báo cho hộ vi phạm đến tại hiện trường để nhận lại tài sản. Do đó Thùng container được đưa ra khỏi vị trí đất được đề nghị hỗ trợ thi công và di chuyển qua khu vực lân cận, không đem về trụ sở UBND phường để tạm giữ như trong biên bản." Còn lại phần tài sản là cây cối, hoa màu đã được Ban Giải phóng mặt bằng quận chủ trì kiểm đếm trước khi phường tổ chức di dời (theo thông báo số 135/TB-UBND của UBND quận). Các tài sản của các ông bà được tổ chức di dời và lập biên bản tạm giữ theo quy định các ông bà không cung cấp được các chứng cứ xác định bị mất mát hư hỏng tài sản, trong quá trình tố tụng các ông bà cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nhằm xác định tài sản là của ai ? phần giá trị tài sản còn lại là bao nhiêu ?, nên không có căn cứ để buộc UBND phường bồi thường.

[2] Từ những nhận định trên thấy, Tòa án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện của các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H và Võ Thanh S là có căn cứ và đúng pháp luật; người khởi kiện ông Võ Thanh S (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện còn lại) kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của những người khởi kiện đại diện là ông Võ Thanh S giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền:1.000.000 đồng Người khởi kiện ông Võ Thanh S phải chịu; được trừ vào tiền tạm ứng ông S đã nộp 10 triệu. Hoàn trả lại cho ông Võ Thanh S số tiền 9.000.000, đồng ông S đã nhận lại số tiền trên.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H và Võ Thanh S phải chịu án phí hành chính theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Võ Thanh S, các bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, ông Nguyễn Đức Á, ông Võ Thanh H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H và Võ Thanh S về việc yêu cầu:

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 844368 thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 277 do UBND thành phố Đ cấp ngày 01/02/2019 cho Công ty Cổ phần Đ3 với diện tích đất 1.600m^2.

Hủy Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông Võ Thanh S (lần đầu).

Hủy Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Thanh S (lần hai).

Buộc UBND quận L, thành phố Đà Nẵng chấm dứt hành vi thu hồi đất trái pháp luật (không thực hiện thủ tục thu hồi đất theo trình tự, thủ tục luật định, không thực hiện bồi thường, đền bù, hỗ trợ thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế xã hội).

Yêu cầu Chủ tịch UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng buộc bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 900.000.000 đồng do đã ban hành Thông báo di dời tài sản số 320/TB-UBND ngày 08/4/2019.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Người khởi kiện ông Võ Thanh S phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 1.000.000 đồng, ông Võ Thanh S đã nộp xong.

3. Các phần khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hành chính: Các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H và Võ Thanh S phải chịu án phí hành chính sơ thẩm mỗi người phải chịu số tiền: 300.000 đồng; được khấu trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm mà các ông bà đã nộp 300.000 đồng tại các Biên lai thu số 0004817 (của bà Võ Thị Thu T); Biên lai thu số 0004818 (của bà Bùi Thị Tuyết M); Biên lai thu số 0004819 (của bà Nguyễn Thị Thanh M1); Biên lai thu số 0004820 (của ông Nguyễn Đức Á), Biên lai thu số 0004821 (của ông Võ Thanh H) tất cả được ghi ngày 19 tháng 11 năm 2021 và Biên lai thu số 0004803 của ông Võ Thanh S ghi ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H và Võ Thanh S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, mỗi người phải chịu số tiền: 300.000 đồng, được khấu trừ tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005069 ngày 07/10/2022, số 0005070 ngày 7/10/2022, số 0005071 ngày 7/10/2022, số 0005072 ngày 7/10/2022, số 0005073 ngày 7/10/2022 và số 0005068 ngày 7/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Người khởi kiện các ông, bà Võ Thị Thu T, Bùi Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thanh M1, Nguyễn Đức Á, Võ Thanh H và Võ Thanh S Ông Huỳnh Quang T3 đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn